TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HS-ST
Ngày 06 - 4 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toản.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phùng Thị Tố Trinh – Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện K, tỉnh Gia Lai.

2. Bà Võ Thị Phương Linh – Nhân viên Trung tâm y tế huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Hải Biển – Thư ký Toà án, Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà*:** Ông Nay Gơm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý 40/2021/HSST ngày 22 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 tại huyện H, tỉnh Bình Định. Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố T, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk; Nơi tạm trú: Thôn M, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: xấu,

- Ngày 29/5/2007, bị Công an thị trấn E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk phạt 100.000 đồng về hành vi Xúc phạm danh dự người khác.

- Tại bản án số 41/2007/HSST ngày 26/6/2007, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đăk Lăk tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản.

- Tại bản án số 30/2008/HSST ngày 26/11/2008, bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên tuyên phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Ngày 10/8/2009, bị Công an huyện C, tỉnh Đăk Lăk phạt 500.000 đồng về hành vi Cố ý gây thương tích.

- Tại bản án số 67/2009/HSST ngày 22/9/2009, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đăk Lăk tuyên phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản và 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Ngày 02/01/2012, bị Công an thị trấn E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk phạt 1.500.000 đồng về hành vi Đánh người gây thương tích.

- Tại bản án số 45/2012/HSST Ngày 03/5/2012, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đăk Lăk tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 02/6/2021, chuyển tạm giam ngày 09/6/2021. Ngày 29/8/2021, bị cáo trốn khỏi nhà tạm giam và bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai khởi tố về tội Trốn khỏi nơi giam giữ. Ngày 01/9/2021, bị bắt theo quyết định truy nã và tạm giam lại tại Nhà tạm giam Công an huyện K cho đến nay. Hiện có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

+ Anh Triệu Văn Q, sinh năm 1982. Có mặt.

Nơi cư trú: Buôn E, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai.

+ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971. Có mặt.

Nơi cư trú: Buôn Đoàn Kết, xã Chư Rcăm, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Trương Thị H1, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Buôn C, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai.

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai.

+ Ông Thân Ngọc M, sinh năm 1973. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai.

+ Anh Trần Thành V, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Buôn E, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai.

+ Ông Rah Lan S, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Buôn E, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Người phiên dịch tiếng Jrai:* Ông Nay Dăm T, sinh năm 1986. Có mặt.

Trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, trong quá trình sinh sống tại xã C, huyện K từ năm 2015 đến ngày 01/06/2021, đã thực hiện 01 vụ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và 01 vụ Cướp tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào năm 2016, bị cáo Nguyễn Văn T có quen biết và làm ăn chung với anh Triệu Văn Q. Tháng 5/2020, Trực đến nhà anh Q chơi và mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 81N1-121.00 để đi lại. Sau khi mượn được xe mô tô khoảng 03 ngày do thiếu tiền tiêu xài nên bị cáo T đã đem xe mô tô trên đến nhà chị Nguyễn Thị H để cầm cắm với giá 10.000.000 đồng. Chị H đưa cho T 7.000.000 đồng còn 3.000.000 đồng chị H trừ nợ cũ. Sau khi cầm cắm khoảng 04 ngày, bị cáo T thông báo cho anh Q biết đã cầm cắm xe mô tô và hứa hẹn sẽ chuộc lại xe trong vòng một tuần, anh Q đồng ý. Đến hẹn anh Q nhiều lần yêu cầu T chuộc lại xe mô tô, bị cáo T tiếp tục hứa hẹn với anh Q nhiều lần, nhưng T không có khả năng chuộc lại xe mô tô. Đến tháng 01/2021, chị H bán xe mô tô trên cho anh Thân Ngọc M với giá 11.000.000 đồng. Ngày 11/6/2021, anh Q làm đơn tố giác lên Công an xã I, huyện Krông Pa.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 13 giờ 30 ngày 01/6/2021, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 47H1- 192.34 đi đến khu vực bìa rừng thuộc Buôn E, xã I, huyện K dựng xe ở gốc cây ven đường đi vào rừng tìm cây mai về bán. T men theo đường đất đi vào rừng khoảng 100m thì gặp bà Nguyễn Thị Th đang nằm trên võng chờ người hái hạt điều về qua để mua điều. Trên người bà Th có đeo túi xách màu xanh (bên trong có số tiền 34.576.000 đồng, một chuỗi hạt bằng gỗ, một cục Pin sạc dự phòng, 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO và hai cuốn sổ màu đen). Khi đi qua khoảng 10 m, T nảy sinh ý định cướp tài sản của bà Th. Trực quay lại, nhặt một con dao bằng kim loại dài khoảng 20cm (cán làm bằng nhựa màu đen) đã cũ ở ven đường. Đi vòng vào rừng cây rồi tiếp cận phía sau bà Th. Tay trái T cầm dao, tay phải bịt miệng bà Th rồi hô "đưa tiền đây". Bà Th tưởng người quen đùa giỡn nên nói "nước đây uống đi". T hô "tao lấy tiền". Tay phải T giật lấy túi xách, bà Th dùng tay giữ túi xách lại, T kéo làm bà Th bị ngã nằm xuống đất. Bà Th đứng dậy và giằng co với T qua lại thì kéo được áo khoác, mũ và khẩu trang của T rơi xuống đất. Trong lúc giằng co tay trái của T va vào mặt bà Tho, bà Th đau thả túi xách ra. T giật túi xách bỏ chạy, bà Th đuổi theo, chạy khoảng 20m thì chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S màu đen trong túi xách rơi xuống đường, bà Th nhặt lấy điện thoại, T bỏ chạy vào rừng. T vừa chạy vừa lục túi xách, lấy tiền bỏ vào túi quần còn túi xách, sổ sách còn dao vứt trên đường bỏ chạy. Bà Th lấy điện thoại gọi cho người nhà và báo Công an xã I. Sau khi chạy vào rừng, T men theo dòng suối đi đến chòi rẫy của anh Rah Lan T cách hiện trường khoảng 300m. Lúc đó anh T đang làm rẫy cùng Ksor H, Ksor J, Ksor S, Rah Lan J. T vào xin nước uống và mượn chiếc mũ của anh J và nhờ anh H chở đi đến chỗ T dựng xe. Thấy lực lượng Công an xã I đến làm việc, T bỏ đi. Trên đường đi về gặp anh Đ. T mượn xe anh Đ đi về

nhà, rồi mang số tiền vừa cướp được đi gặp chị Nguyễn Thị H trả nợ 4.300.000 đồng sau đó quay lại hiện trường trả xe cho anh Đ, số tiền còn lại T bỏ trong người.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai của T phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ. Tuy nhiên, T không thừa nhận Cướp số tiền 34.576.000 đồng như bị hại Nguyễn Thị Th đã khai báo, mà chỉ khai nhận cướp số tiền 4.576.000 đồng.

Căn cứ lời khai của bị hại bà Nguyễn Thị Th, Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh, xác định việc bị hại bà Th có đem theo số tiền 34.576.000 đồng đi thu mua hạt điều là có cơ sở.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐG ngày 01/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện K, xác định giá trị tài sản bị xâm hại: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen, xám biển kiểm soát: 81N1-121.00, số khung: 1710HY167284, số máy: E3T6E244582 có trị giá 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐG ngày 08/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện K, xác định giá trị tài sản bị xâm hại: Một số tài sản bị chiếm đoạt (ngoài tiền) có trị giá là 2.115.000 đồng (Hai triệu một trăm mười lăm nghìn đồng), bao gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5s màu đen, số IMEI1: 865222040664215, Ram 3Gb, bộ nhớ trong 32Gb, bên trong có 02 (hai) sim thuê bao Viettel số: 0362.434.809 và 0389.813.936 có trị giá 1.000.000 đồng.

- 01 (một) túi xách bằng vải màu xanh kích thước (24,5x13x12) cm, dây đeo màu xanh có trị giá 80.000 đồng.

- 01 (một) chuỗi hạt bằng gỗ trầm hương màu nâu có trị giá 500.000 đồng.

- 01 (một) pin sạc dự phòng màu trắng có trị giá 500.000 đồng.

- 02 (hai) cuốn sổ màu đen có trị giá 35.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và các bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Đối với chị Nguyễn Thị H nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển số 81N1-121.00 của Nguyễn Văn T. Quá trình nhận cầm cố Nguyễn Thị H không biết đây là tài sản do phạm pháp mà có. Nên không có căn cứ xử lý về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, hành vi nhận cầm cố tài sản mà không có giấy phép kinh doanh của chị Nguyễn Thị H đã phạm vào điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị định số: 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, mức phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Căn cứ Khoản 4, Điều 83 Nghị định số: 98/2020/NĐ-CP Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ đến Trưởng Công an

huyện Krông Pa ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với chị Nguyễn Thị H với mức tiền phạt là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Đối với ông Thân Ngọc M khi mua xe mô tô biển kiểm soát: 81N1-121.00 từ chị Nguyễn Thị H, bản thân ông M không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Xe mô tô biển kiểm soát: 47H1- 192.34, do T mượn của anh Trần Thành V là bạn của T để đi lại sau đó đi cướp tài sản. Việc T sử dụng chiếc xe trên để đi cướp tài sản thì anh V không biết. Nên không có căn cứ xử lý anh V đồng phạm với vai trò giúp sức và cũng đã trả lại xe mô tô này cho anh Trần Thành V.

01 (một) con dao bằng kim loại, dài khoảng 20cm, cán bằng nhựa màu đen đã cũ, Cơ quan điều tra cùng với đối tượng Nguyễn Văn T và chính quyền xã I đã tổ chức truy tìm tại khu vực đối tượng vứt dao nhưng không tìm thấy.

Tại bản cáo trạng số 47/CT - VKS ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là BLHS) và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Bị hại bà Th có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo thực hiện hành vi cướp tài sản do bộc phát, nhất thời.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Cướp tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX):

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52 của BLHS: Xử phạt bị cáo T từ 07 năm đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS: Xử phạt bị cáo T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của BLHS: Tổng hợp hình phạt của tội "*Cướp tài sản*" và tội "*lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung từ 08 năm đến 09 năm 06 tháng tù.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo dài tay màu xanh lá cây; 01 (Một) mũ lưỡi trai, màu đen; 01 (Một) khẩu trang vải có màu xanh-xám-đen; Trả lại cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 6.428.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng) đã được niêm phong trong bì thư công văn được đóng dấu "CÔNG AN H KRONG PA T GIA LAI*CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA" và các chữ ký của ông Tăng Xuân Đ, Vũ Như T và Nay N. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào tháng 5/2020, bị cáo T mượn xe mô tô biển kiểm soát: 81N1-121.00 của anh Triệu Văn Q, đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài nhằm mục đích chiếm đoạt. Tổng giá trị tài sản bị xâm phạm là: 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 01/06/2021, bị cáo T đe dọa, dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị Th có tổng giá trị là: 36.691.000 đồng (Ba mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

Như vậy, hành vi của bị cáo T lợi dụng chỗ quen biết với anh Q để mượn xe đem cầm cố lấy tiền tiêu xài mục đích nhằm chiếm đoạt đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và bị cáo dùng hung khí (phương tiện) nguy hiểm đe dọa buộc bà Th phải đưa tài sản cho bị cáo là đã phạm vào tội "Cướp tài sản". Các hành vi phạm tội của bị cáo rõ ràng là có lỗi và sai trái với đường lối, chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước ta, nay phải chịu trách nhiệm hình sự và hậu quả pháp lý đã gây ra là có căn cứ pháp lý.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận các hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T phạm vào tội "Cướp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của BLHS và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo về các hành vi theo các tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn T là người bình thường, có đủ năng lực để nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng muốn hưởng lợi bất chính nên đã dùng vũ lực buộc bị hại phải giao tài sản cho bị cáo và lợi dụng chỗ quen biết nhằm chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của công dân. Nay cần xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để cá thể hóa hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo là điều cần thiết.

Bị cáo T một mình trực tiếp thực hiện hành vi Cướp tài sản và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nên phải chịu toàn bộ trách nhiệm hình sự về các hành vi phạm tội của mình. Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu là: Tại bản án số 41/2007/HSST ngày 26/6/2007, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đăk Lăk tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản; Tại bản án số 30/2008/HSST ngày 26/11/2008, bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên tuyên phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; Tại bản án số 67/2009/HSST ngày 22/9/2009, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đăk Lăk tuyên phạt 01 năm 03 tháng tù giam về tội Cưỡng đoạt tài sản và 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản và Tại bản án số 45/2012/HSST Ngày 03/5/2012, bị Tòa án nhân dân huyện C, Đăk Lăk tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản. Ngoài ra trong thời gian bị cáo bị tạm giam đã trốn khỏi nơi giam giữ nên bị khởi tố, điều tra trong vụ án khác. Bị cáo khi thực hiện hành vi Cướp tài sản của bà Th thì cố ý thực hiện đến cùng, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 BLHS áp dụng cho bị cáo. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thì bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS được áp dụng cho bị cáo.

Bên cạnh đó bị hại bà Th xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS được áp dụng cho bị cáo.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thì HĐXX thấy bị cáo T là người từng nhiều lần bị xử phạt tù về các hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng không lấy đó làm bài học để cải tạo, sửa chữa bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Nên thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để nhằm mục đích trừng trị nhưng cũng giúp cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời qua đó răn đe và phòng ngừa loại tội phạm này tái diễn trên địa bàn.

Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng và vấn đề liên quan khác:

- 01 (một) áo dài tay màu xanh lá cây; 01 (Một) mũ lưỡi trai, màu đen; 01 (Một) khẩu trang vải có màu xanh-xám-đen là của bị cáo T không đề nghị nhận lại và không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

- Tiền VNĐ số tiền 6.428.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng) đã được niêm phong trong bì thư công văn được đóng dấu "CÔNG AN H KRONG PA T GIA LAI*CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA" và các chữ ký của ông Tăng Xuân Đ, Vũ Như Th và Nay Nh là tiền do bị cáo cướp được của bà Nguyễn Thị Th nay cần trả lại cho bà Th.

Đặc điểm chi tiết vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/12/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5s màu đen, số IMEI1: 865222040664215, Ram 3Gb, bộ nhớ trong 32Gb, bên trong có 02 (hai) sim thuê bao Viettel số: 0362.434.809 và 0389.813.936; 01 (một) túi xách bằng vải màu xanh kích thước (24,5x13x12) cm, dây đeo màu xanh và 02 (hai) cuốn sổ màu đen, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị Th là phù hợp. Nay HĐXX không đề cập đến.

- 01 (một) chuỗi hạt bằng gỗ trầm hương màu nâu và 01 (một) pin sạc dự phòng màu trắng đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả. Nên HĐXX không đề cập đến.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen, xám, biển kiểm soát: 81N1-121.00, số khung: 1710HY167284, số máy: E3T6E244582 và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số: 004761, biển số đăng ký: 81N1-121.00, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Triệu Văn Q là phù hợp quy định.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh, trắng, biển kiểm soát: 47H1- 192.34, số khung: 5P10DY223467, số máy: 55P1223479, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Thành V là phù hợp.

- 01 (một) con dao bằng kim loại, dài khoảng 20cm, cán bằng nhựa màu đen đã cũ, Cơ quan điều tra cùng với bị cáo Nguyễn Văn T và chính quyền xã I đã tổ chức truy tìm tại khu vực bị cáo vứt dao nhưng không tìm thấy. Nên HĐXX không đề cập đến.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của bị hại bà Th có tổng giá trị là: 36.691.000 đồng (Ba mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi mốt nghìn đồng). Tại phiên tòa bà Th chỉ xin nhận lại số tiền 6.428.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng) đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K mà không yêu cầu bị

cáo phải bồi thường thêm. Đây là quan điểm thể hiện ý chí tự nguyện của bà Th nên HĐXX chấp nhận và không xem xét đến.

Ông M có mặt tại phiên tòa không có yêu cầu gì. Còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H không có mặt tại phiên tòa và không yêu cầu gì về dân sự; giữa bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và bị hại, không có bên nào còn tranh chấp, yêu cầu và đề nghị gì khác nên trách nhiệm dân sự trong vụ án HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Do bị cáo không có nghề nghiệp chính mà sống phụ thuộc gia đình. Bản thân không có tài sản riêng gì cho nên HĐXX quyết định không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về án phí:

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội *"Cướp tài sản"* và tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52 của BLHS:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 *(Tám)* năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01*(Một)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của BLHS: Tổng hợp hình phạt của tội *"Cướp tài sản"* và tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt tù chung là 09 *(Chín)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt truy nã là ngày 01/9/2021, nhưng được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam trước đây từ ngày 02/6/2021 đến ngày 29/8/2021.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo dài tay màu xanh lá cây; 01 (Một) mũ lưỡi trai, màu đen; 01 (Một) khẩu trang vải có màu xanh-xám-đen.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Th tiền VNĐ số tiền 6.428.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng) đã được niêm phong trong bì thư công văn được đóng dấu "CÔNG AN H KRONG PA T GIA LAI*CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA" và các chữ ký của ông Tăng Xuân Đ, Vũ Như T và Nay N.

Đặc điểm chi tiết vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/12/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3. Căn cứ vào Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thân Ngọc M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/4/2022) còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H1, chị Nguyễn Thị H, anh Trần Thành V và ông Rah Lan S vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Toà án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. K;
- Công an h. K;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người có QL&NVLQ;
- Chi cục THADS h. K;
- Lưu HS vụ án, THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đỗ Khắc Toản